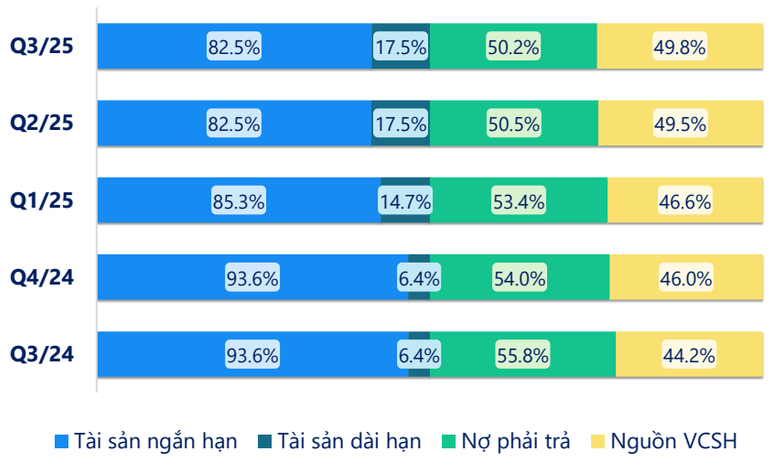
FireAnt

CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	27,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,269
SL cổ phiếu LH	136,414,258
KLGD BQ 20 phiên (CP)	834,535
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,738
P/E	36.7
EPS	747

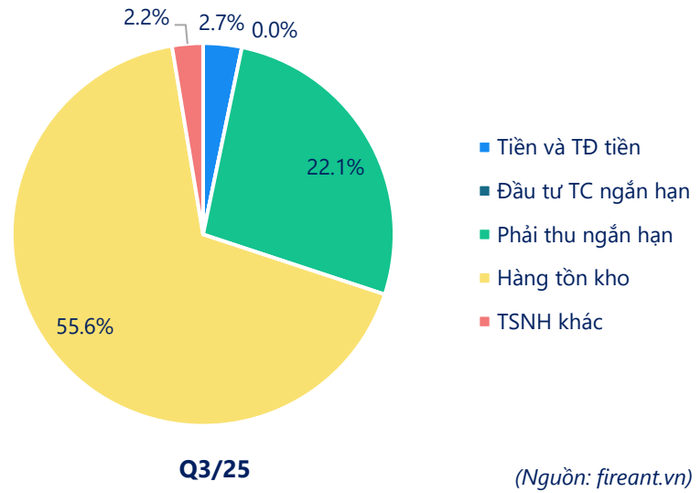
	YTD	1T	3T	6T
VC3	8.0%	-5.8%	5.7%	8.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



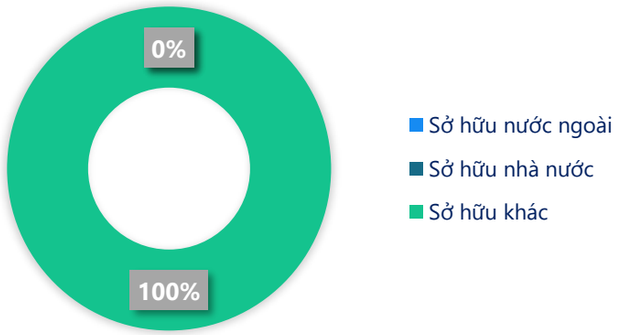
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



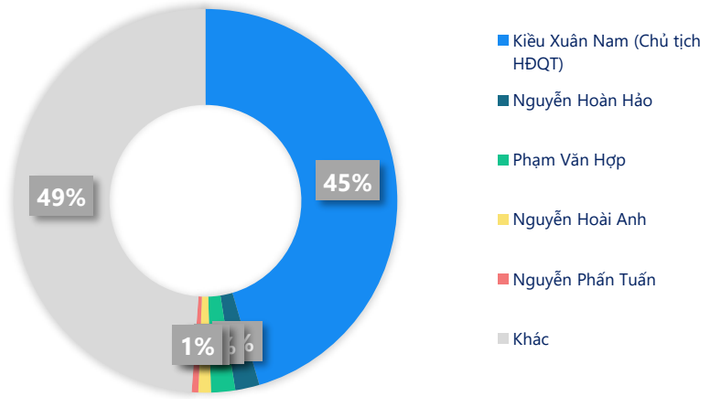
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



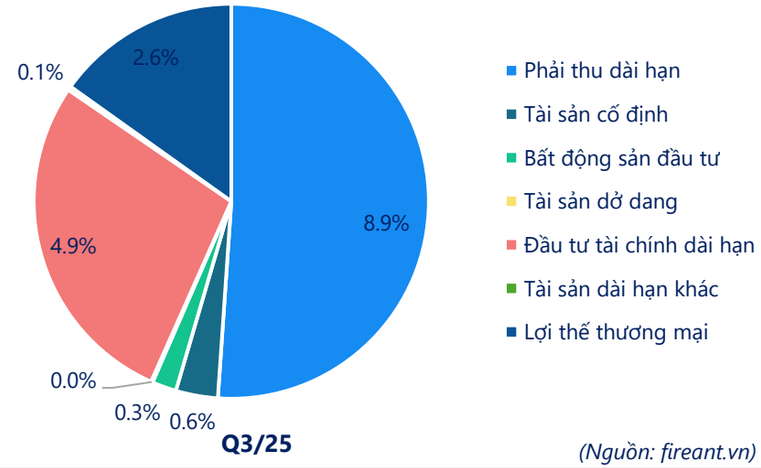
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

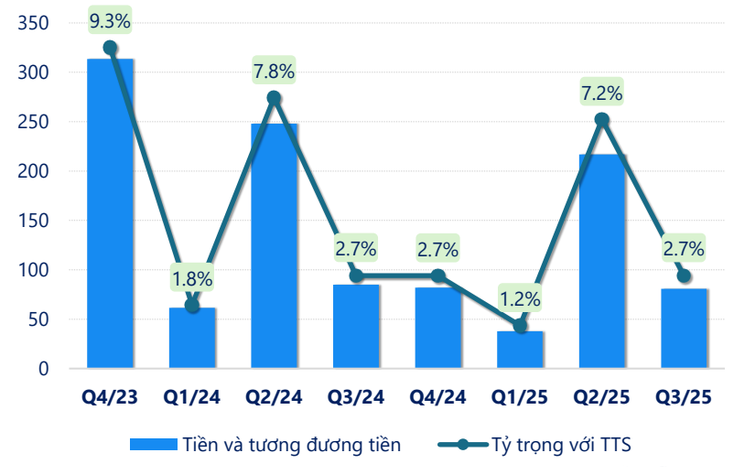


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

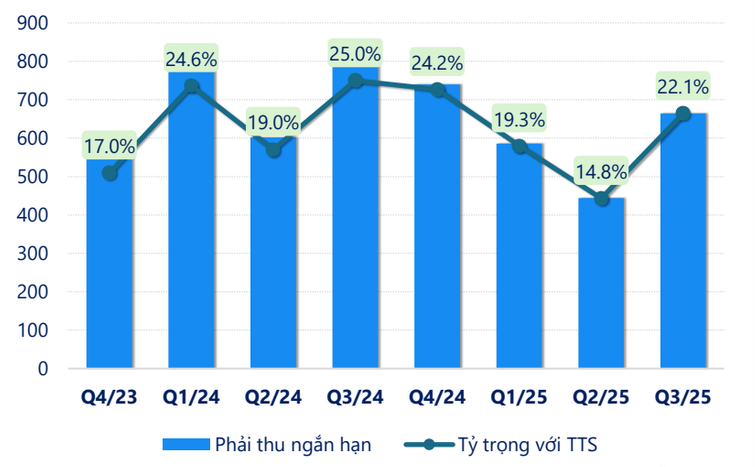
CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)

Tiền và tương đương tiền



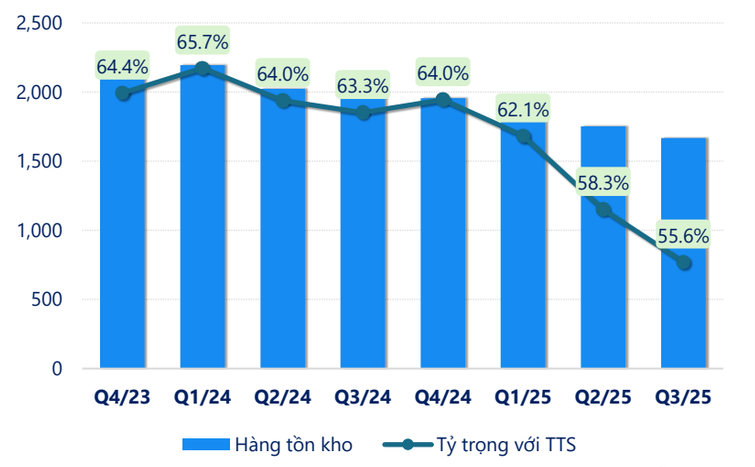
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



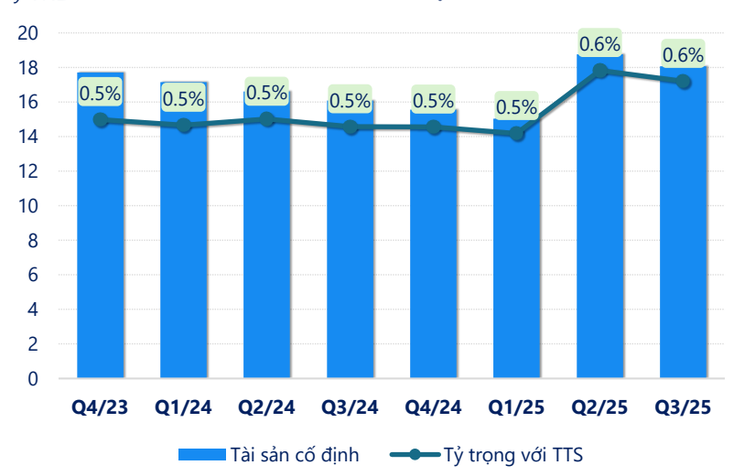
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



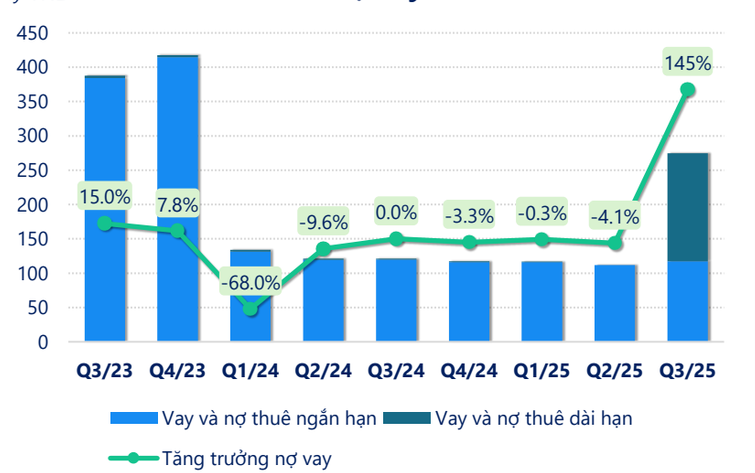
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



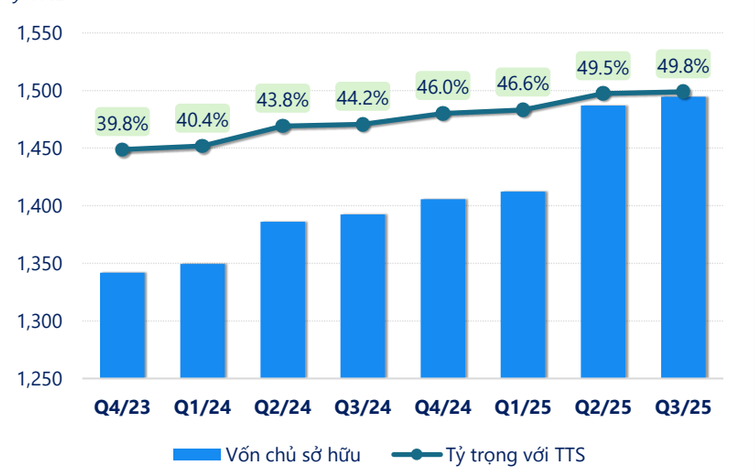
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

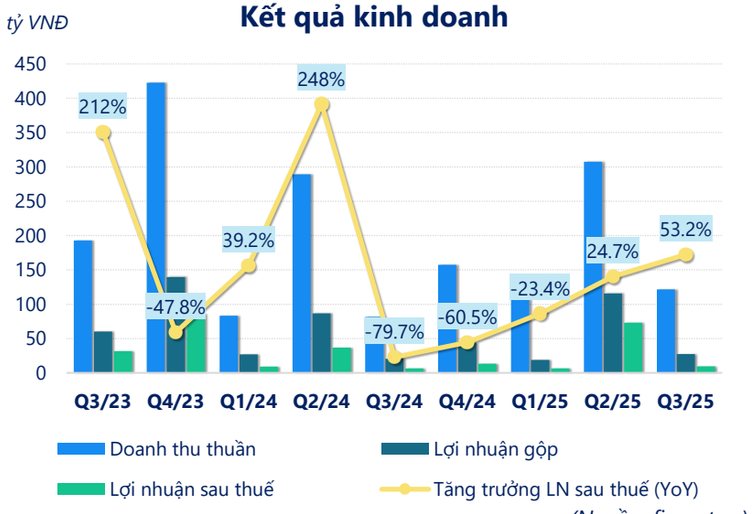


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

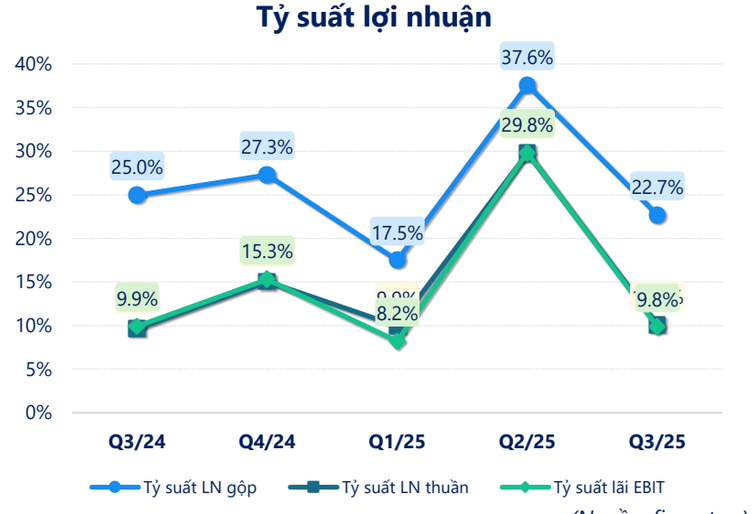
CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)

Kết quả kinh doanh



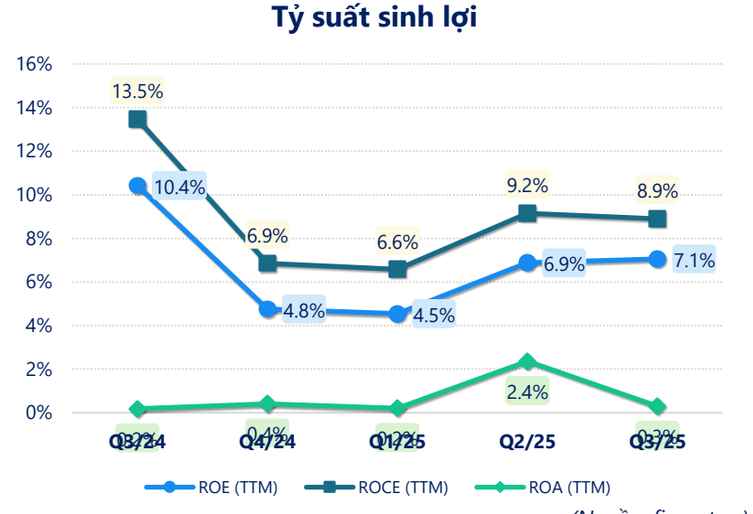
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



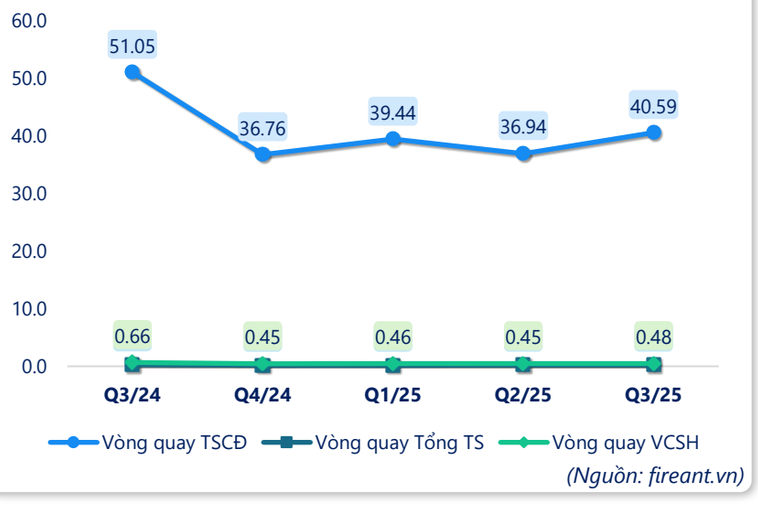
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



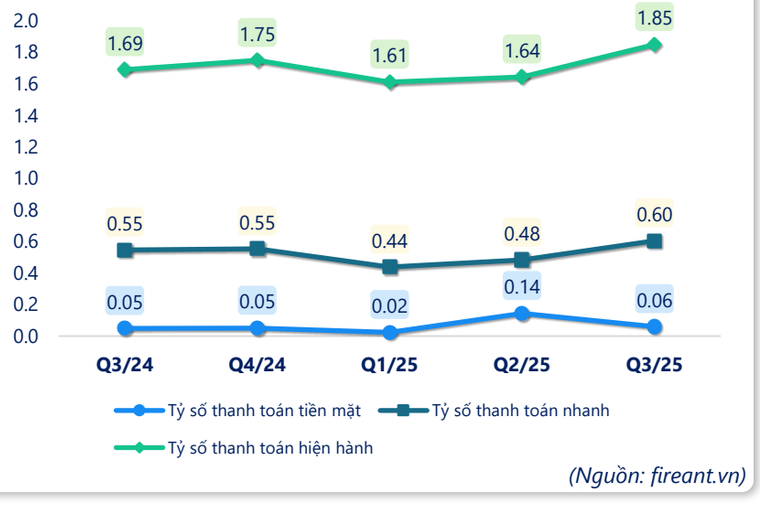
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



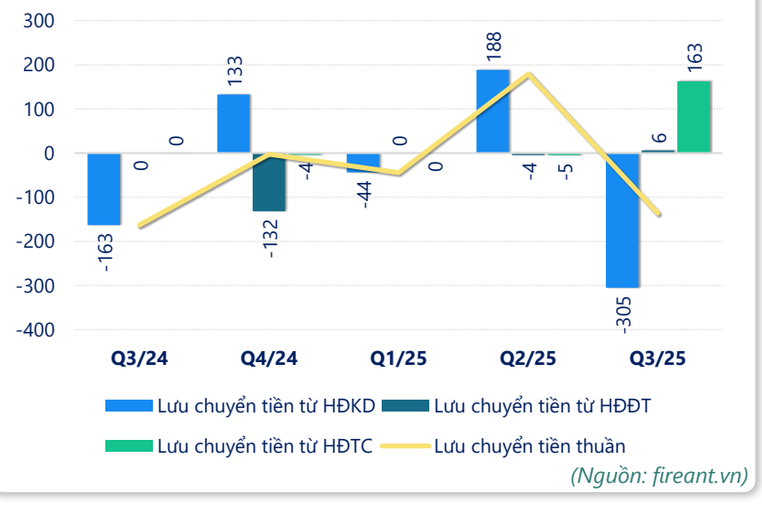
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,002**	**3,087**	**-2.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,478	2,641	-6.2%
Tiền và tương đương tiền	80.8	82.0	-1.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	664	522	27.3%
Hàng tồn kho	1,668	1,955	-14.7%
Tài sản ngắn hạn khác	64.6	81.4	-20.7%
Tài sản dài hạn	**525**	**446**	**17.6%**
Phải thu dài hạn	268	268	0.0%
Tài sản cố định	18.1	15.6	16.1%
Bất động sản đầu tư	10.5	12.3	-14.8%
Tài sản dở dang	0.71	0.71	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	146	146	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.66**	**3.25**	**-49.1%**
Lợi thế thương mại	79.4	0	
Nợ phải trả	1,508	1,681	-10.3%
Nợ ngắn hạn	**1,340**	**1,667**	**-19.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	117	116	0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	242	414	-41.5%
Nợ dài hạn	168	13.6	1136%
Vay và nợ thuê dài hạn	157	0.84	18616%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,495**	**1,406**	**6.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,495**	**1,406**	**6.3%**
Vốn điều lệ	1,364	1,252	9.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	81.6	157	107	308	121
Giá vốn hàng bán	61.2	114	88.2	192	93.9
Lợi nhuận gộp	20.4	42.9	18.7	116	27.5
Doanh thu HĐTC	0.19	0.15	0.07	0.32	0.19
Chi phí TC	0.26	0.09	0.11	0.16	0.07
Chi phí lãi vay	0.26	0.09	0.11	0.16	0.07
LN trong công ty LKLD	0.00	0.02	0.07	-0.04	0.01
Chi phí bán hàng	5.93	11.3	1.89	14.6	6.12
Chi phí QLDN	6.49	8.05	6.21	9.53	9.31
LN thuần từ HĐKD	7.88	23.7	10.6	91.5	12.2
Lợi nhuận khác	-0.04	0.30	-1.96	0.05	-0.36
LN trước thuế	7.84	24.0	8.66	91.6	11.9
Lợi nhuận sau thuế	6.27	13.2	6.54	72.8	9.48
LNST của CĐ cty mẹ	6.27	13.2	6.53	72.8	9.42

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-163	133	-44.0	188	-305
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.09	-132	0.07	-4.28	5.97
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.05	-3.94	-0.40	-4.74	163
Tiền đầu kỳ	248	84.9	82.0	37.7	217
Lưu chuyển tiền thuần	**-163**	**-2.90**	**-44.3**	**179**	**-136**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	84.9	82.0	37.7	217	80.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic